

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2019

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Giao.

2. Bà Quách Thị Lùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 9 và ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P - Sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 12, xã B, huyện G, tỉnh N; tạm trú: Xóm 10, xã X1, huyện X, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T - Sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 12, xã B, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị P, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, bản tự khai ngày 26/6/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị và anh Phan Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không nghe. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ vợ chồng được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phan Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Hải Đ - Sinh ngày 30/8/2015, hiện con chung đang ở cùng chị. Ly hôn chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt. Vì vậy anh T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Anh T vắng mặt nên không có quan điểm của mình đối với vụ án.

Theo biên bản xác minh thu thập chứng cứ ngày 31/7/2019 đại diện đoàn thể cũng như đại diện UBND xã B cung cấp: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2014 tại UBND xã B. Sau đó, vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, chỉ biết được thời gian gần đây anh T chơi bời bị người khác đến đòi nợ, chị P đã bế con về nhà mẹ đẻ ở xóm 10, xã X1, huyện X để sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2019 cho đến nay. Chị P và anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 12, xã B, huyện G, tỉnh N chưa chuyển khẩu đi đâu. Về việc đoàn tụ giữa vợ chồng chị P và anh T, địa phương nhận thấy là khó có khả năng. Nay chị P xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao 01 con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng; vợ chồng không nợ đối với tập thể.

Theo biên bản làm việc ngày 31/7/2019, bà Phạm Thị T (mẹ đẻ của anh T) cung cấp: Các văn bản tố tụng, Tòa án gửi cho anh T gia đình đã nhận được đầy đủ và đã thông báo cho anh T. Về quan hệ hôn nhân, sau cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình bà, thời gian đó vợ chồng sống hòa thuận nhưng đến khi anh T chơi bời và bị người khác đến đòi nợ thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị P cùng con đã về bên ngoại để sinh sống. Nay chị P xin ly hôn là quyền của vợ chồng. Khi ly hôn về nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, vợ chồng không có vướng mắc gì đối với gia đình bà.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn. Về con chung hiện do chị P đang nuôi dưỡng, vì vậy giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Phan Văn T đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh N vào ngày 30/6/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn để lo cho gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã làm đầy đủ các thủ tục giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy chứng tỏ anh T không tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị P xin ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là Phan Hải Đ, sinh ngày 30/8/2015, hiện chị P đang nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị P nên giao con chung cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nhưng anh T được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

[4] Về tài sản: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị P nuôi con chung là Phan Hải Đ - Sinh ngày 30/8/2015 cho đến khi con chung trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho chị P, nhưng anh T được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu số 0000457 ngày 13/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thanh Lâm